TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng;

2. Trần Thị Kim Oanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp 7, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Phú T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 10, khu phố 10, thị trấn D, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Phú T sống chung với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn D, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 31/8/2012. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, khi đó hai vợ chồng đều cố gắng làm ăn lo cho cuộc sống chung, đến khoảng năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên uống rượu, về nhà chửi bới, quậy phá, đánh đập vợ con. Ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, không chí thú làm ăn. Hiện tại bà và ông T đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B kiên quyết xin ly hôn với ông Phạm Phú T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có hai con chung tên Phạm Nguyễn H, sinh ngày 20/01/2007 và Phạm Nguyễn N, sinh ngày 19/10/2010. Hiện tại các con đang sống với bà B. Bà xin được nuôi hai con chung Phạm Nguyễn H và Phạm Nguyễn N; không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, bà B thống nhất với những lời trình bày trước đây và đề nghị Toà án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Phạm Phú T.

- Về con chung: Xin được nuôi hai con chung Phạm Nguyễn H, sinh ngày 20/01/2007 và Phạm Nguyễn N, sinh ngày 19/10/2010; không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Phú T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T cố tình vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B đối với ông Phạm Phú T; về con chung: Giao hai con chung Phạm Nguyễn H và Phạm Nguyễn N cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà B về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại tổ 10, khu phố 10, thị trấn D, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Phạm Phú T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Phú T là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 31/8/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân là do bị đơn không chí thú làm ăn, thường xuyên uống rượu, đánh chửi vợ con. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/02/2017, đại diện chính quyền địa phương Khu phố 10, thị trấn D, huyện Phú Giáo xác nhận cuộc sống gia đình giữa bà B và ông T nhiều mâu thuẫn. Gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Bà B đã bỏ về nhà cha mẹ sống từ năm 2011 đến nay.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và bị đơn ông Phạm Phú T đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà nhưng ông T đều vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn và cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thêm vào đó, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn, bị đơn không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Phú T có hai con chung tên Phạm Nguyễn H, sinh ngày 20/01/2007 và Phạm Nguyễn N, sinh ngày 19/10/2010.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2017, cháu Phạm Nguyễn H trình bày nguyện vọng được sống với mẹ là bà Nguyễn Thị B; con chung Phạm Nguyễn N hiện còn nhỏ (dưới 07 tuổi) nên cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Xét thấy bà B hiện có công việc và thu nhập ổn định, đủ sức khỏe, đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; đồng thời bà B có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con nên cần giao hai con chung Phạm Nguyễn H và Phạm Nguyễn N cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà B về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đối với bị đơn ông Phạm Phú T về việc "Tranh chấp ly hôn":

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Phạm Phú T.

2. Về con chung: Giao hai con chung Phạm Nguyễn H, sinh ngày 20/01/2007 và Phạm Nguyễn N, sinh ngày 19/10/2010 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị B về việc không yêu cầu ông Phạm Phú T phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông Phạm Phú T. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2016/0007139 ngày 14/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND thị trấn D, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Khoa